

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH MIỆN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31/8/2022

"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN - HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đào Quang Khuyến.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Bùi Xuân Nghi và bà Phạm Thị Bông.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Hoàng Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện tham gia phiên tòa:**  
Bà An Thị Hà Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 89/2022/TLST-HN/GĐ ngày 31 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/QĐST-HNGĐ ngày 18/8/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Vũ Thị Th** - sinh năm 1983

Nơi cư trú: Thôn Kh, xã Th, huyện M, tỉnh D.

2. *Bị đơn:* Anh **Phạm Văn L** - sinh năm 1978

Nơi cư trú: Thôn Kh, xã Th, huyện M, tỉnh D.

*Chị Th có đơn xin xét xử vắng mặt, anh L vắng mặt lần hai không lý do.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Trong đơn khởi kiện, quá trình khai tại Tòa án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Vũ Thị Th trình bày:***

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Phạm Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cao Thắng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương ngày 08/11/2002 và được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục tập quán. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không hợp nhau, bất đồng quan điểm, anh L thường xuyên chơi bời, rượu chè, không chịu làm ăn dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, chị đã khuyên giải nhiều lần nhưng anh L vẫn không nghe. Mâu thuẫn căng thẳng nhất từ tháng 07/2020, tuy vợ chồng chung sống cùng nhà nhưng không ăn cùng, không ngủ chung, không nói chuyện với nhau, hai bên gia đình có khuyên giải, động viên nhưng chị nhận thấy cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, không thể khắc phục được. Tháng 7/2022 mẹ con chị ở cùng với bà Nguyễn Thị S là mẹ nuôi. Vợ chồng ly thân từ tháng 7/2020 không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh L không còn, không thể hàn gắn được, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục duy trì được nữa, chị xin ly hôn anh L. Việc anh L không đến Tòa án để giải quyết ly hôn là cố tình gây khó khăn cho chị trong việc ly hôn, chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn anh L theo quy định.

*Về con chung:* Chị và anh L có 03 con chung là cháu Phạm Thanh H, sinh ngày 21/10/2008; cháu Phạm Anh K, sinh ngày 08/01/2011 và cháu Phạm Lan A, sinh ngày 09/01/2004. Cả 03 con hiện đang ở cùng chị, cháu H, cháu K có nguyện vọng ở với mẹ, cháu Lan A đã trưởng thành, chị không yêu cầu giải quyết. Ly hôn, chị đồng ý theo nguyện vọng của các con, chị đề nghị được nuôi cháu H, cháu K, chị tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi con chung, chị có đủ điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con đến khi trưởng thành. Chị làm công ty thu nhập bình quân 9.000.000đ/tháng. Chị cam kết đảm bảo cuộc sống tốt nhất cho các con.

*Về tài sản chung, vay nợ, công sức:* Chị Vũ Thị Th không yêu cầu giải quyết.

***Quá trình làm việc với Toà án, tại biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ bị đơn anh Phạm Văn L trình bày:***

*Về quan hệ hôn nhân:* Anh xác định điều kiện kết hôn, tình trạng hôn nhân của anh chị đúng như chị Vũ Thị Th khai. Tuy nhiên, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu là kinh tế khó khăn nên không khí trong gia đình luôn căng thẳng, vợ chồng chung sống cùng nhà nhưng không ăn chung, ngủ chung, không nói chuyện với nhau. Từ tháng 11/2020, anh chị ly thân không quan tâm đến nhau, anh đang ở một mình, mẹ con chị Th không ở cùng anh nữa. Nay chị Th xin ly hôn nguyện vọng của anh mong muốn Tòa án tiếp tục hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, tuy nhiên anh không có biện pháp gì để hàn gắn, níu kéo hạnh phúc gia đình. Anh không đồng ý ly hôn, chị Th xin ly hôn là việc của chị Th, do chị Th tự giải quyết.

*Về con chung:* Anh và chị Th có 03 con chung là cháu Phạm Thanh H, sinh ngày 21/10/2008; cháu Phạm Anh K, sinh ngày 08/01/2011 và cháu Phạm Anh A, sinh ngày 09/01/2004. Ly hôn, anh đề nghị được nuôi cháu Kiệt, chị Th nuôi cháu Hải, cháu Lan A đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh là lao động tự do, thu nhập từ 7.000.000 đồng đến 9.000.000đ/tháng (Khi làm đủ ngày công), anh có đủ điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Kiệt đến khi trưởng thành, anh tự nguyện không yêu cầu chị Th cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh.

*Về tài sản chung, vay nợ, công sức:* Anh Phạm Văn L không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của bà Trần Thị Thực trình bày: Bà là mẹ đẻ của chị Vũ Thị Th, là bà ngoại của cháu Phạm Thanh H; cháu Phạm Anh K và cháu Phạm Anh A. Quá trình chung sống, chị Th, anh L phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn được, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị Th. Anh chị có 03 con chung, các cháu đang ở với mẹ, cháu Hải, cháu Kiệt còn nhỏ và có nguyện vọng ở với mẹ, cháu Lan đã trưởng thành và đi làm công ty. Ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của các cháu và chị Th. Về tài sản, nợ chung, công sức, anh chị không có công sức đóng góp gì với ông bà.

Tại lời khai của chị Phạm Thị Th trình bày: Chị là chị gái của anh Phạm Văn L. Trong quá trình chung sống, chị Th, anh L đã xảy ra mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng cãi vã nhau, do chị ở xa nên không nắm được, mâu thuẫn cụ thể của anh L, chị Th. Hai bên gia đình không gặp nhau lần nào để bàn bạc, khắc phục mâu thuẫn cho vợ chồng. Anh chị ly thân từ khi nào chị không nắm được, nay chị Th xin ly hôn anh L, chị và gia đình mong muốn Tòa án tiếp tục hòa giải để anh chị về đoàn tụ, nếu anh chị không thể tiếp tục chung sống với nhau thì Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai của bà Nguyễn Thị S trình bày: Bà là mẹ nuôi của chị Vũ Thị Th. Quá trình chung sống chị Th, anh L xảy ra nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn được, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Anh chị có 03 con chung là cháu H, cháu K, cháu Lan A, hiện mẹ con chị Th đang ở cùng với bà. Nếu chị Th được nuôi cháu Hải; cháu Kiệt bà sẽ tạo điều kiện cho mẹ con chị Th về nơi ăn ở với điều kiện tốt nhất.

Kết quả làm việc tại chính quyền địa phương và các đoàn thể có liên quan của xã Cao Thắng cung cấp: Anh L, chị Th có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cao Thắng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại địa phương. Chị Th, anh L có xảy ra mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn cụ thể như thế nào, địa phương không nắm được. Do anh chị không đề nghị chính quyền địa phương và các đoàn thể nên không biết đề hoà giải cho anh chị. Nay, chị Th xin ly hôn anh L đề nghị Tòa án tiếp tục hòa giải cho anh chị về đoàn tụ, nếu anh chị không thể tiếp tục chung sống với nhau, đề nghị Tòa án căn cứ vào thực trạng mâu thuẫn của vợ chồng để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ và cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng; Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định, bị đơn chấp hành không đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị Th được ly hôn anh Phạm Văn L.

Về con chung: Xử giao cháu Phạm Thanh H, sinh ngày 21/10/2008 và Phạm Anh K, sinh ngày 08/01/2011 cho chị Vũ Thị Th trực tiếp chăm sóc giáo dục. Chị Th không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Cháu Phạm Anh A, sinh ngày 09/01/2004 đã trưởng thành, có việc làm, chị Th, anh L không yêu cầu giải quyết. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản, nợ chung, công sức: Chị Th, anh L không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Vũ Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị Vũ Thị Th có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Phạm Văn L; ĐKKHKT và nơi cư trú: Thôn Kh, xã Th, huyện M, tỉnh D; Quan hệ pháp luật là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Theo điểm a khoản 1 Điều 35, điều a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Chị Vũ Thị Th nộp đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định.

Quá trình thu thập chứng cứ anh L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh không hợp tác và không chấp hành theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa lần thứ hai anh Phạm Văn L vắng mặt không có lý do, chị Th có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Vũ Thị Th và anh Phạm Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cao Thắng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương ngày 08/11/2002. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, chị Th xác định vợ chồng sống vui vẻ, hòa thuận được 15 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do không hợp nhau, bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, vợ chồng ly thân từ tháng 7/2020, chị Th xin ly hôn, anh L mong muốn đoàn tụ nhưng anh L không có biện pháp nào để cải thiện mối quan hệ vợ chồng, anh cũng không nhờ họ hàng, bạn bè của hai bên gia đình và các đoàn thể của thôn xã hoà giải, khi Tòa án báo gọi làm việc và hoà giải anh cố tình không chấp hành, gây khó khăn cho việc hoà giải của Tòa án, mục đích là gây khó khăn cho chị Th chứng tỏ anh không có thiện chí để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng do vậy anh không hợp tác với Tòa án.

Từ những đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị Th và anh L đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh L không đồng ý ly hôn là gây khó khăn cho chị Th thực hiện quyền ly hôn. Do vậy, cần áp dụng quy định của pháp luật xử cho chị Vũ Thị Th được ly hôn anh Phạm Văn L là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị Th, anh L có 03 con chung là cháu Phạm Thanh H, sinh ngày 21/10/2008; cháu Phạm Anh K, sinh ngày 08/01/2011 và cháu Phạm Anh A, sinh ngày 09/01/2004. Chị Th làm công ty Sapon ở An Nghiệp, xã Tứ Cường, thu nhập trừ các khoản chi phí còn từ 8 đến 9.000.000 đồng/tháng, công việc ổn định, gần nhà, chị cam kết đảm bảo đủ điều kiện nuôi dưỡng hai con đến khi trưởng thành. Hiện tại mẹ con chị đang sống tại nhà bà Sửu là mẹ nuôi của chị, mẹ đẻ và mẹ nuôi chị sẵn sàng hỗ trợ cho chị trong việc nuôi con với điều kiện tốt nhất. Cháu Lan Anh đang làm ở công ty may Highrock Cao Thắng, thu nhập trung bình từ 8 triệu đến 10 triệu đồng/tháng, cháu Lan Anh hứa sẽ giúp mẹ chăm sóc các em. Đối với anh L, về chỗ ăn ở cũng đủ điều kiện đảm bảo cuộc sống cho con. Anh là lao động tự do, anh cam kết có đủ điều kiện nuôi cháu Kiệt. Cháu Hải, cháu Kiệt đều xác định anh L thường xuyên uống rượu và chửi mắng chị Lý và các con, các cháu đều có nguyện vọng ở với mẹ, chị Th cũng có nguyện vọng nuôi hai con, chị Th có mẹ nuôi hỗ trợ, phụ giúp việc chăm sóc các con và hỗ trợ về kinh tế, chỗ ăn ở cho mẹ con chị. Gia đình anh L đã vào Nam sinh sống, anh ở một mình không có ai ở gần hỗ trợ, giúp đỡ anh trong việc chăm sóc con. Vì vậy chấp nhận yêu cầu của chị Th và nguyện vọng của các cháu. Hội đồng xét xử: Giao cho chị Th tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Phạm Thanh H và cháu Phạm Anh K. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Th không

yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị. Cháu Phạm Anh A, sinh ngày 09/01/2004 đã trưởng thành có việc làm, chị Th, anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] *Về tài sản, nợ chung, công sức*: Chị Th, anh L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Chị Vũ Thị Th khởi kiện vụ án Hôn nhân và gia đình nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56, Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho chị Vũ Thị Th được ly hôn anh Phạm Văn L.

2- *Về con chung*: Xử giao chị Vũ Thị Th tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cháu Phạm Thanh H, sinh ngày 21/10/2008; cháu Phạm Anh K, sinh ngày 08/01/2011 đến khi trưởng thành, đủ 18 tuổi (Cháu Hải, cháu Kiệt đang ở với chị Th). Chấp nhận sự tự nguyện của chị Th không yêu cầu anh L cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Cháu Phạm Anh A, sinh ngày 09/01/2004 đã trưởng thành có việc làm, chị Th, anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3- *Về án phí*: Chị Vũ Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị đã nộp theo biên lai số AA/2020/0004200 ngày 31/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, chị Th đã nộp đủ án phí.

4- *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện Thanh Miện;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thanh Miện;
- UBND xã Cao Thắng, huyện Thanh Miện;  
(để ghi vào sổ hộ tịch).
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

***Đào Quang Khuyển***

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Các Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Đào Quang Khuyến**

